

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 23/2019/HS-ST

Ngày 22-11-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Dỗi

Ông Huỳnh Tấn Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2019/TLST-HS, ngày 24/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS, ngày 08/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: **Phạm Ngọc L**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2001 tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc S và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPVPHC ngày 06-02-2018 Trưởng công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, bị cáo L đã chấp hành xong ngày 07-02-2018.

Bị cáo bị tạm giam ngày 30-8-2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** *Người bị hại:*** Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: thôn Y, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1- Nguyễn Thị D, sinh năm 1969. Có mặt

2- Huỳnh Ngọc D1, sinh năm 1991. Có mặt

3- Nguyễn Thị N, sinh năm 1975. Có mặt

4- Phạm Quốc S, sinh năm 1968. Có mặt

Cùng Trú tại: thôn Y, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5- Lê Tấn P, sinh năm 1968. Vắng mặt

Trú tại: thôn A, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6- Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Vắng mặt

Trú tại: thôn F, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7- Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1986. Có mặt

Trú tại: thôn Z, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 28/08/2019, Phạm Ngọc L (Sinh ngày 05/06/2001, trú tại: thôn Y, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi) đi đến đoạn đường bê tông phía trên nhà bà Nguyễn Thị D (Sinh năm 1969, trú cùng thôn) để hái trái cây (trái trám) ăn. Quan sát thấy cửa phía sau nhà bà D không đóng nên L nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà D để chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Phạm Ngọc L điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 76R2-4887 trở lại đường bê tông khu vực phía trên nhà bà D rồi cất xe vào bụi chuối ven đường, đi bộ qua bãi đất trồng hoa màu phía sau nhà bà D, do tường phía sau quá cao nên L không trèo được. Nhìn thấy khu đất trống phía bên trái nhà bà D có tường rào lưới B40 thấp hơn nên L vòng ra phía trước nhà bà D, trèo qua cổng để vào khu đất trống, từ đây L tiếp tục trèo qua tường rào lưới B40 ngăn cách nhà bà D và khu đất trống để vào nhà bằng cửa sau. Khi vào được nhà, L vào nhà bếp lấy 01 con dao (loại dao thái thịt) dài khoảng 20cm cầm trên tay rồi đi lên các phòng phía trên để tìm kiếm tài sản. Khi mở cửa phòng thứ nhất thấy không có ai và không có tài sản gì thì L tiếp tục đi lên phòng phía trên. Đến phòng thứ hai, L thấy có ánh sáng điện nên nhìn qua khe cửa vào phòng thì thấy có người nằm ngủ. L quay lại đến chân cầu thang thì thấy 01 chiếc khăn (loại khăn tắm) màu xanh treo trên thành cầu thang nên lấy vắt trên vai, tiếp theo L nhìn trên nóc tủ sát chân cầu thang thì thấy 01 đoạn dây cao su (loại được cắt từ ruột xe), dài khoảng 01m thò ra ngoài nên L rút ra, bỏ vào túi quần. Sau đó, L nấp vào chân cầu thang để chờ người trong phòng đi ra ngoài. Khoảng 15 phút sau, chị Nguyễn Thị Thanh T (Sinh năm 1992, là con gái bà D) mở cửa phòng để đi vệ sinh. Khi chị T vệ sinh xong, quay lại để vào phòng thì L từ phía sau dùng khăn tắm bịt miệng chị T, do bất ngờ nên chị T hoảng hốt kêu la và vùng vẫy thì L dùng tay phải cầm dao dí sát vào cổ chị T và nói: “*Im không tao giết*”. Chị T ngã quỵ xuống nền nhà và van xin: “*Đang có bầu, đừng làm hại đến em bé*”. Lúc này, L nhìn thấy bụng chị T nhô cao nên biết chị T đang mang thai. L tiếp tục bịt miệng và dùng dao khống chế, yêu cầu chị T vào phòng có ánh sáng đèn điện khi này chị T ngủ, bắt chị T ngồi xuống giường, quay mặt vào tường để không nhìn thấy L. L dùng khăn tắm đang bịt miệng để che mặt chị T, yêu cầu chị T đưa hai tay lên đầu và dùng đoạn dây cao su trong túi trói chặt hai tay lại. Chị T kêu đau nên L tháo dây cao

su, dùng áo khoác của chị T để trên giường trói hai tay chị T rồi lấy dây cao su trói bên ngoài áo khoác. Sau đó, L yêu cầu chị T nằm úp xuống giường nhưng chị T nói: “*Đang có bầu, không nằm úp được*” nên L đẩy chị T nằm ngửa xuống giường và tra hỏi: “*Có còn ai ở nhà không?*”, chị T nói: “*Không có ai ở nhà*”, L hỏi: “*Tiền để ở đâu?*”, chị T nói: “*Tiền để dưới đuôi giường*”. Lúc này, L nảy sinh ý định quan hệ tình dục với chị T nên L hỏi: “*Có bầu, quan hệ tình dục được không?*”, chị T nói: “*Có bầu lớn tháng, không quan hệ được, sợ anh bị bệnh quan hệ sẽ ảnh hưởng đến con tôi đang mang trong bụng*”, nghe vậy L từ bỏ ý định quan hệ tình dục với chị T. Sau đó, L lục tìm ở đuôi giường lấy số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) của chị T ở trong túi nilon cất vào túi quần rồi tiếp tục hỏi chị T: “*Còn tiền ở đâu nữa không?*”, chị T nói: “*Không, chỉ có bấy nhiêu thôi*”, rồi L hỏi: “*Có giấy viết không?*”, chị T trả lời: “*Có, để ở ngoài*”, L ra ngoài tìm giấy viết nhưng không có nên quay vào lại lấy điện thoại di động của chị T đang để trên đầu giường, L hỏi chị T: “*Điện thoại có mật khẩu không?*”, chị T nói: “*Không, chỉ còn có cái điện thoại để liên lạc người nhà, anh đừng lấy*”. L mở điện thoại vào mục tin nhắn, soạn tin nhắn với nội dung: “*Tôi xin lỗi, do tôi kẹt quá*” và để lại điện thoại trên giường. Tiếp đó, L kéo chị T đứng dậy, tiếp tục dùng dao khống chế, dẫn chị T xuống nhà bếp lấy đôi dép, rồi dẫn chị T lên cửa chính nhà trên, L yêu cầu chị T mở cửa, chị T nói: “*Cửa không khóa, anh tự mở ra đi*”. L tự mở cửa và tiếp tục khống chế chị T, dẫn chị T ra đến cổng ngõ và buông thả chị T rồi bỏ chạy ra khu vực trồng bắp cạnh nhà bà D tẩu thoát, khi đến gần vị trí giấu xe mô tô mang BKS 76R2-4887 thì L vứt bỏ con dao.

Sau khi vứt bỏ con dao, L đến lấy xe mô tô 76R2-4887 điều khiển đi về nhà tắm giặt, ăn cơm, thay quần áo rồi đến nhà của ông Lê Tấn P (sinh năm 1968, trú tại thôn A, xã R, huyện Q) chơi. L sử dụng số tiền vừa chiếm đoạt được của chị T đánh bài câu cá ăn thua bằng tiền với ông P và L thua số tiền khoảng 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi ngàn đồng). Đến sáng ngày 29/8/2019, L điều khiển xe mô tô 76R2-4887 chở Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1998, trú tại thôn F, xã R, huyện Q) đến tiệm sửa xe máy của anh Huỳnh Ngọc D1 (sinh năm 1991, trú tại thôn E, xã R, huyện Q) thay nhớt xe với số tiền 80.000 đồng (tám mươi ngàn đồng). Sau đó, L cùng T1 đến cửa hàng điện thoại “G” ở thị trấn K, huyện Q (do anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1986, trú tại thôn Z, xã R, huyện Q làm chủ) chuộc lại điện thoại đã cầm trước đó và mua 01 thẻ sim với số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng), L đưa cho T1 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng) tiền đi xe ôm. Số tiền còn lại L sử dụng mua thẻ cào điện thoại, đồ xăng, ăn sáng, uống cà phê.

Cáo trạng số 44/CT-VKS-NH, ngày 23-10-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc L về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 02 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội “Cướp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30-8-2019.

- Về dân sự: người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì khác, nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 dây cao su, 01 con dao, 01 khăn tắm, 01 áo khoác.

Trả lại cho bị cáo L: 01 điện thoại di động, 01 áo sơ mi, 01 quần lửng và 01 đôi dép.

Trả lại cho bà N và bị cáo L số tiền 530.000đ (Năm trăm ba mươi ngàn đồng).

- Về án phí: bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng với mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 21 giờ ngày 28-8-2019, bị cáo L đã lợi dụng đêm tối lén lút đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị D ở thôn Y, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; bị cáo L sử dụng con dao là công cụ nguy hiểm để đe dọa, khống chế chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992 (con ruột của bà D) đang mang thai và ở nhà một mình, làm cho chị T lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của chị T với số tiền 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo L đã trực tiếp đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội “Cướp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo; nên cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo L có nhân thân xấu bị cáo đã bị Trưởng công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPVPHC ngày 06-02-

2018 hình thức phạt tiền, bị cáo L đã chấp hành xong ngày 07-02-2018, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối với Lê Tấn P, Huỳnh Ngọc D1, Nguyễn Ngọc T2 và Nguyễn Văn T1 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Quá trình điều tra, xác minh những người này đều không biết hành vi cướp tài sản và số tiền bị cáo L sử dụng là do phạm tội mà có, nên không đồng phạm với bị cáo L về hành vi cướp tài sản và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 168 và Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7] Bị cáo L khi đang không chế chi T để chiếm đoạt tài sản thì bị cáo L nảy sinh ý định quan hệ tình dục với chị T. Tuy nhiên, bị cáo L đã tự từ bỏ ý định quan hệ tình dục với chị T, nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” quy định tại Điều 141 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo Phạm Ngọc L và Lê Tấn P vào ngày 28-8-2019 không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Trưởng công an huyện Q đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[9] Về phần dân sự: Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Ngọc L đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.350.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T2 số tiền 400.000đ, bồi thường cho anh Huỳnh Ngọc D1 số tiền 100.000đ, và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo bồi hoàn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76R2 – 4887 là tài sản của ông Phạm Quốc S và bà Nguyễn Thị N (cha mẹ ruột của bị cáo L). Ngày 28-8-2019 bị cáo Phạm Ngọc L tự ý lấy xe sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, ông S bà N không biết; nay bà N ông S xin nhận lại xe nên trả cho bà N ông S là phù hợp.

Đối với 01 dây cao su màu đen, dài 1,5m, rộng 1,8cm, dày 0,15cm, một đầu có 01 nút thắt; 01 khăn vải màu xanh, kích thước (1,1 x 0,67)m; 01 con dao dài 37cm, phần cán dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu tối, dài 25cm, nơi rộng nhất 4,6cm; 01 áo khoác có mũ dài tay bằng vải màu vàng, trên mỗi tay áo có 2 sọc đen nằm dọc, phần ngực trái áo có thêu một hình tròn màu đen trắng, giữa hình tròn có thêu chữ “PAL” màu đen; phần mũ áo có dây thun màu trắng là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị D. Chị T, bà D không yêu cầu nhận lại và các tài sản này có giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu hồng, mặt trước và sau điện thoại có dòng chữ “SAMSUNG” có số Imel 1: 358206/08/108551/7, Imel 2: 358206/08/108551; 01 đôi dép loại dép hai quay màu đen, mỗi chiếc dài 28cm nơi rộng nhất 11,5cm, đế dép dày 1,5cm, quay dép có dòng chữ “DHADIVA” màu trắng;

01 áo sơ mi nam ngắn tay bằng vải màu đen, size áo số 48, có sọc nhỏ dọc theo thân áo màu xám, rộng 0,5cm khoảng cách giữa các sọc là 6cm; 01 quần lửng bằng vải màu đen có nút quần và dây kéo phía trước, mặt trong lai quần phía sau có in dòng chữ ‘REEBOK’ màu trắng và ‘DENIMFASHION’ màu đỏ không phải là công cụ phương tiện phạm tội, là tài sản của bị cáo L, bị cáo L yêu cầu nhận lại để sử dụng, nên trả lại cho bị cáo L.

Đối với số tiền 530.000đ là do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện giao nộp. Bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của bị cáo L) đã bồi thường xong cho người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên số tiền 530.000đ trả lại cho bà N.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Ngọc L** phạm tội ‘‘Cướp tài sản’’.

2- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30-8-2019.

3 - Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 dây cao su màu đen, dài 1,5m, rộng 1,8cm, dày 0,15cm, một đầu có 01 nút thắt; 01 khăn vải màu xanh, kích thước (1,1 x 0,67)m; 01 con dao dài 37cm, phần cán dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu tối, dài 25cm, nơi rộng nhất 4,6cm; 01 áo khoác có mũ dài tay bằng vải màu vàng, trên mỗi tay áo có 2 sọc đen nằm dọc, phần ngực trái áo có thêu một hình tròn màu đen trắng, giữa hình tròn có thêu chữ ‘‘PAL’’ màu đen; phần mũ áo có dây thun màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc L: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu hồng, mặt trước và sau điện thoại có dòng chữ ‘‘SAMSUNG’’ có số Imel 1: 358206/08/108551/7, Imel 2: 358206/08/108551; 01 đôi dép loại dép hai quai màu đen, mỗi chiếc dài 28cm nơi rộng nhất 11,5cm, đế dép dày 1,5cm, quai dép có dòng chữ ‘‘DHADIVA’’ màu trắng; 01 áo sơ mi nam ngắn tay bằng vải màu đen, size áo số 48, có sọc nhỏ dọc theo thân áo màu xám, rộng 0,5cm khoảng cách giữa các sọc là 6cm; 01 quần lửng bằng vải màu đen có nút quần và dây kéo phía trước, mặt trong lai quần phía sau có in dòng chữ ‘‘REEBOK’’ màu trắng và ‘‘DENIMFASHION’’ màu đỏ.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N ông Phạm Quốc S: 01 xe mô tô biển kiểm soát 76R2-4887 nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu sơn trắng bạc đen, số máy 5C64-205141 số khung 205141 không có kính chiếu hậu không có hộp xích.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-10-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền **530.000đ** (Năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản chuyển tiền điện tử lập ngày 29-10-2019 của Kho bạc Nhà nước huyện Q.

4- Về án phí: Buộc bị cáo **Phạm Ngọc L** phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan THAHS CA huyện Q;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ